

Phụ lục I
ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NĂM 2024
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

I. TỈNH AN GIANG

1. Nhiệm vụ, mục tiêu theo Chương trình số 553/CTr-UBND ngày 09/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về An Giang về Chuyển đổi số tỉnh An Giang giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030:

STT	Nội dung	Mục tiêu đến 2025	Mục tiêu đến 2030	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
I	Phát triển Chính quyền số					
1	Người dân, doanh nghiệp hài lòng với các dịch vụ số của Chính quyền số tỉnh An Giang cung cấp	80%	90%	- Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính là 97,14%. - Tỷ lệ hài lòng trong phản ánh, kiến nghị là 98%	Đạt	Số liệu ghi nhận từ kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Công dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-index-tinhthanhpho-mucdohailong.html)
2	Hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	50%	70%	100% (Kiểm tra, công bố thông tin, tình hình gửi nhận văn bản điện tử điện tử trên hệ thống quản lý văn bản, điều hành tỉnh; tình hình tiếp nhận, xử lý hồ sơ TTHC trên Hệ thống thông tin giải	Đạt	

				quyết TTHC tỉnh; công bố, công khai công chức giải quyết hồ sơ TTHC chậm, trễ hạn)		
3	Người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính phủ điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương	40%	60%	100% (đối với người dân có tài khoản trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh)	Đạt	
4	Dịch vụ công (đủ điều kiện) cung cấp trực tuyến <i>mức độ 4 (toàn trình)</i>	100%	100%	100%	Đạt	
5	Hồ sơ (thủ tục hành chính) giải quyết trực tuyến	50%	60%	88,18% (605.172/686.283)	Đạt	
6	Thông tin của người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến	60%	100%	100% (đối với người dân có tài khoản trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh)	Đạt	
7	Dịch vụ công trực tuyến sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp	60%	100%	Chưa thực hiện	Chưa đánh giá	- Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp đơn vị có liên quan thực hiện hoàn thành kết Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của

						tỉnh để phục vụ tra cứu trạng thái xử lý hồ sơ thủ tục hành chính về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh (theo tài liệu hướng dẫn tại Công văn số 448/BKHĐT-ĐKKD ngày 16/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư). - Hiện tại, việc kết nối chỉ phục vụ việc tra cứu trạng thái xử lý hồ sơ thủ tục hành chính, chưa có hướng dẫn về việc tích hợp dữ liệu Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp với dịch vụ công trực tuyến để sử dụng.
8	Hồ sơ công việc tại cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật)	90% 80% 65%	100% 100% 80%	96% 92% 89%	Đạt	
9	Chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; đồng thời được kết nối,	80%	100%	100%	Đạt	

	tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.					
10	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.	-	100%	100%	Đạt	
II	Phát triển kinh tế số					
1	Tỷ lệ GRDP kinh tế số	10%	20%	Ước đạt 8 – 9%	Chưa đánh giá	Năm 2023: + Theo thống kê của Bộ Thông tin và Truyền thông là 7,18%. + Theo thống kê của Tổng Cục thống kê là 5,28%. - Tổng Cục thống kê chưa thực hiện đánh giá tỷ trọng kinh tế số của các tỉnh/thành phố.
2	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực	10%	20%	Chưa có số liệu	Chưa đánh giá	Hiện tại, chưa có văn bản hướng dẫn việc đánh giá tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực từ bộ, ngành.
III	Phát triển xã hội số					
1	Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ đến hộ gia đình, đến xã.	80% 100%	100%	- Internet cáp quang tốc độ cao đã đến 100% trung tâm xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh; - Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt 83,17%	Đạt	

2	Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh, thử nghiệm các công nghệ mới			Tỷ lệ phủ rộng mạng băng rộng cố định, tỷ lệ phủ sóng 3G/4G đạt 100% các xã toàn tỉnh. Đang khuyến khích các doanh nghiệp đăng ký với tập đoàn/tổng công ty triển khai 5G tại An Giang (Mạng 5G Viettel đã phủ sóng tại thủ phủ 11/11 huyện, thị xã, thành phố trên toàn tỉnh từ ngày 15/10/2024).	Đạt	
3	Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử (người dân từ 15 tuổi trở lên)	50%	80%	180,2% (2.009.961/1.115.432)	Đạt	

2. Mục tiêu theo Kế hoạch triển khai nhiệm vụ về Chuyển đổi số tỉnh An Giang năm 2024:

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
1	Phát triển Chính quyền số						
1.1	Dịch vụ công (đủ điều kiện) cung cấp trực tuyến toàn trình	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	100%	Đạt	
1.2	Thông tin người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến	50%	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	100% (đối với người dân có tài khoản trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ	Đạt	

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
					công tỉnh)		
1.3	Hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	40%	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	100% (Kiểm tra, công bố thông tin, tình hình gửi nhận văn bản điện tử điện tử trên hệ thống quản lý văn bản, điều hành tỉnh; tình hình tiếp nhận, xử lý hồ sơ TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; công bố, công khai công chức giải quyết hồ sơ TTHC chậm, trễ hạn)	Đạt	
1.4	Chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh (LRIS); đồng thời được kết nối, tích	70%	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	100%	Đạt	

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
	hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ						
1.5	Văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử	100%	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	100%	Đạt	
1.6	Lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng tập huấn kỹ năng số để sử dụng thành thạo các ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng báo cáo công việc.	90%	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	42,11% (2.723/6.466)	Chưa đạt	- Số lượng học viên tham gia khóa học bồi dưỡng chuyển đổi số trên nền tảng MOOC: 1.474 học viên. - Quyết định số 998/QĐ-UBND ngày 17/6/2024 của Ủy ban

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
							nhân dân tỉnh An Giang về việc điều chỉnh chỉ tiêu các lớp bồi dưỡng lĩnh vực thông tin và truyền thông tại Kế hoạch số 1197/KH-UBND ngày 14/12/2023 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh năm 2024: 1.256 học

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
							viên. - Nguồn kinh phí của tỉnh còn hạn chế nên chưa triển khai bồi dưỡng tập huấn kỹ năng số cho 90% Lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh theo chỉ tiêu đề ra. Thời gian tới Sở Thông tin và Truyền thông sẽ phối hợp Cục Chuyển đổi số quốc gia

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
							triển khai bồi dưỡng chuyển đổi số trên nền tảng MOOC theo hình thức trực tuyến để đảm bảo chỉ tiêu đề ra.
1.7	Cơ quan nhà nước tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số	90%	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	95,74% (180/188 ¹ cơ quan)	Đạt	
1.8	Người dân, doanh nghiệp hài lòng với các dịch vụ số của Chính quyền số tỉnh An Giang cung cấp; Nâng cao hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp góp phần tạo sự đồng	70%	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	- Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính là 97,14%. - Tỷ lệ hài lòng trong phản ánh, kiến nghị là 98%	Đạt	Số liệu ghi nhận từ kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh

¹ 188 cơ quan gồm: 21 sở, ngành tỉnh; 11 UBND cấp huyện; 156 UBND cấp xã.

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
	thuận cao nhất trong nhân dân						nghiệp trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-index-tinhthanhpho-mucdohailong.html)
1.9	Người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính phủ điện tử được xác thực danh tính điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương	30%	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	100% (đối với người dân có tài khoản trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh)	Đạt	
1.10	Hồ sơ giải quyết trực tuyến	50%	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	88,18% (605.172/686.283)	Đạt	

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
1.11	Dịch vụ công trực tuyến sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp	50%	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Chưa thực hiện	Chưa đánh giá	- Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp đơn vị có liên quan thực hiện hoàn thành kết Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh để phục vụ tra cứu trạng thái xử lý hồ sơ thủ tục hành chính

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
							về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh (theo tài liệu hướng dẫn tại Công văn số 448/BKHD T-ĐKKD ngày 16/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư). - Hiện tại, việc kết nối chỉ phục vụ việc tra cứu trạng thái xử lý hồ sơ thủ tục hành chính, chưa có

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
							hướng dẫn về việc tích hợp dữ liệu Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp với dịch vụ công trực tuyến để sử dụng.
1.12	Hồ sơ công việc tại cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).	- Cấp tỉnh: 90%. - Cấp huyện: 80%. - Cấp xã: 65%.	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	96% 92% 89%	Đạt	
1.13	Cơ quan nhà nước các cấp hoàn thiện chính quyền điện tử	90%	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Ước đạt 90%	Ước đạt	- Tại Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
							17/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 của tỉnh An Giang đã đặt chỉ tiêu “Tỷ lệ cơ quan nhà nước các cấp hoàn thiện chính quyền điện tử đạt 75%”. Tuy nhiên, để hoàn thành mục tiêu

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
							đến năm 2025 tỷ lệ cơ quan nhà nước các cấp hoàn thiện chính quyền điện tử đạt 90% theo Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ XI thì trong Kế hoạch chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024 đã đặt mục tiêu tỷ lệ cơ quan

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
							nhà nước các cấp hoàn thiện chính quyền điện tử đạt 90%. - Trên cơ sở kết quả đánh giá lần 01 của Sở Thông tin và Truyền thông vào tháng 11/2024 thì ước đạt 80% cơ quan hoàn thiện chính quyền điện tử. Hiện tại, Sở Thông tin và Truyền

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
							thông đang thực hiện đánh giá lần 2 ước đạt 90% cơ quan hoàn thiện chính quyền điện tử.
1.14	Hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết, hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử	Tối thiểu 80% trở lên	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	85,42%	Đạt	
1.15	Người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính (trước đó), mà cơ	80%	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	12.105 hồ sơ (Tỷ lệ 1,50%)	Chưa đạt	- Cán bộ, công chức chưa đảm bảo quy trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
	quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ						TTHC theo quy định. - Lưu trữ giấy tờ kết quả giải quyết thủ tục hành chính vào kho dữ liệu cho người dân để tái sử dụng chưa cao - Nhiều TTHC có phát sinh số lượng hồ sơ lớn, thường xuyên nhưng không thể tái sử dụng.
1.16	Hồ sơ được số hóa, ký số và lưu trữ điện tử đối với hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	100%	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 85,42%	Chưa đạt	- Cán bộ, công chức chưa đảm bảo quy

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
	đã được giải quyết thành công				- Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả bản điện tử đạt 88%.		trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo quy định. - Lưu trữ giấy tờ kết quả giải quyết thủ tục hành chính vào kho dữ liệu cho người dân để tái sử dụng chưa cao
2	Phát triển Kinh tế số						
2.1	Phân đầu kinh tế số	Đạt từ 8 - 9% GRDP	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Ước đạt 8 – 9%	Chưa đánh giá	Năm 2023: + Theo thống kê của Bộ Thông tin và Truyền thông là 7,18%.

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
							+ Theo thống kê của Tổng Cục thống kê là 5,28%. - Tổng Cục thống kê chưa thực hiện đánh giá tỷ trọng kinh tế số của các tỉnh/thành phố.
2.2	Phân đầu tỷ trọng kinh số trong từng ngành, lĩnh vực	9%	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Chưa có số liệu	Chưa đánh giá	Hiện tại, chưa có văn bản hướng dẫn việc đánh giá tỷ trọng kinh số trong từng ngành, lĩnh vực từ bộ, ngành.

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
2.3	Sản phẩm thuộc chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) có mặt sàn thương mại điện tử	90%	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Công thương; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	57,14% (104/182 sản phẩm)	Chưa đạt	
2.4	Dân số tham gia mua sắm trực tuyến	50%	Sở Công thương	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	94%	Đạt	Qua kết quả tham gia Cuộc thi trắc nghiệm trực tuyến “Thanh toán điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt” (từ ngày 01/6/2024 – 21/6/2024) thì có khoảng 94% người

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
							dân tham gia mua sắm trực tuyến
2.5	Người dân biết sử dụng điện thoại thông minh vào khai thác các ứng dụng nền tảng phục vụ sản xuất, kinh doanh	Trên 50%	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố; Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ VTCI	67,14%	Đạt	Số liệu được lấy theo “Tỷ lệ dân số sử dụng điện thoại thông minh” được Tổng Cục thống kê chia sẻ năm 2023
2.6	Có ít nhất 04 doanh nghiệp công nghệ số, trong đó có ít nhất 02 doanh nghiệp công nghệ số phát triển sản phẩm, giải pháp, dịch vụ công nghệ thông tin		Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	118 doanh nghiệp công nghệ số	Đạt	
2.7	Doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử	100%	Cục Thuế tỉnh An Giang	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã,	100%	Đạt	

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
				thành phố			
2.8	Doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	40%	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Ước đạt 84,32%	Ước đạt	Bộ Thông tin và Truyền thông đã thực hiện thẩm định số liệu DTI An Giang năm 2023 theo đó Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số trên địa bàn tỉnh là 84,32%
2.9	Doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	70%	Sở Công thương	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Chưa có số liệu	Chưa đánh giá	Hiện tại, chưa có văn bản hướng dẫn việc đánh giá tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
							dụng hợp đồng điện tử từ bộ, ngành.
2.10	Năng suất lao động	Tăng 7%	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Chưa có số liệu	Chưa đánh giá	Hiện tại, chưa có văn bản hướng dẫn việc đánh giá tỷ lệ năng suất lao động từ bộ, ngành.
3	Phát triển Xã hội số						
3.1	Hộ gia đình có địa chỉ số	100%	UBND huyện, thị xã, thành phố	Bưu điện tỉnh An Giang; Sở Thông tin và Truyền thông	100%	Đạt	
3.2	Người dân, doanh nghiệp được trang bị kỹ năng số và các quy tắc ứng xử trên môi trường số; có thể tham gia hoạt động học tập, lao động, sản xuất, đời sống và sinh hoạt trên môi trường số	80%	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND huyện, thị xã, thành phố	Tỷ lệ người dân có kỹ năng công nghệ thông tin và truyền thông là 30,65%	Chưa đánh giá	- Số liệu Tổng Cục thống kê chia sẻ năm 2023. - Hiện tại, Tỉnh vẫn chưa có số

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
							liệu năm 2024. Thời gian tới Tỉnh sẽ tăng cường các lớp bồi dưỡng, tập huấn thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng để đảm bảo chỉ tiêu đề ra.
3.3	Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh		Sở Thông tin và Truyền thông	UBND huyện, thị xã, thành phố; Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Viễn thông - Internet trên địa bàn tỉnh	100% xã, phường thị trấn được phủ sóng 3G/4G	Đạt	
3.4	Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	70%	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh An Giang	UBND huyện, thị xã, thành phố	180,2% (2.009.961/1.115.432)	Đạt	
3.5	Tỷ lệ dân số trưởng thành	85%	Sở Thông tin và	UBND huyện, thị	71,29%	Chưa	- Số liệu

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
	có điện thoại thông minh		Truyền thông	xã, thành phố; Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ VTCI		đánh giá	Tổng Cục thống kê chia sẻ năm 2023. - Hiện tại, Tỉnh vẫn chưa có số liệu năm 2024.
3.6	Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng	80%	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND huyện, thị xã, thành phố; Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ VTCI; Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Viễn thông – Internet trên địa bàn tỉnh	83,17%	Đạt	

3. Mục tiêu theo Quyết định số 60/QĐ-BCĐ ngày 05/6/2024 của Ban chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh An Giang về Ban hành Kế hoạch hoạt động của Ban chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh An Giang năm 2024:

[illegible]

STT	Nhiệm vụ	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
1	Xây dựng Kế hoạch kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi trên địa bàn tỉnh	Kế hoạch kiểm tra, giám sát của Ban chỉ đạo về chuyển đổi tỉnh. Yêu cầu có thời gian, nội dung, địa điểm kiểm tra, giám sát cụ thể	Tháng 06/2024	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh An Giang đã ban hành Kế hoạch số 71/KH-BCĐ ngày 16/7/2024 về kiểm tra tình hình thực hiện chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trong cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024	Đạt	
2	Tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát theo Kế hoạch đã được ban hành	Các đoàn kiểm tra, giám sát được tổ chức thực hiện	Theo Kế hoạch được duyệt	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Từ ngày 19/9/2024 đến 09/10/2024, Đoàn kiểm tra đã thực hiện kiểm tra tình hình chuyển đổi số, bảo đảm an toàn thông tin mạng, thiết bị đầu cuối và công tác tra cứu dữ liệu công dân phục vụ giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đối với 11 Ủy ban nhân dân (UBND) huyện, thị	Đạt	

STT	Nhiệm vụ	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
						xã, thành phố, 12 UBND xã, phường, thị trấn, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang, Sở Y tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giáo dục và Đào tạo.		
II	CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ							
1	Thúc đẩy, kết nối, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp công nghệ số tham gia vào quá trình chuyển đổi số tại khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu. Ưu tiên sử dụng giải pháp công nghệ số do các doanh nghiệp Việt Nam phát triển	60% doanh nghiệp tại các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu ứng dụng các nền tảng số trong quản trị, sản xuất để thay đổi quy trình sản xuất, kinh doanh, tăng năng suất, hiệu quả hoạt	Tháng 12/2024	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	100% các doanh nghiệp được khảo sát và trao đổi đều nhận thức tích cực và sẵn sàng cập nhật, triển khai ứng dụng công nghệ số phục vụ chuyển đổi số phục vụ quản trị, quy trình sản xuất và kinh doanh để thay đổi quy trình sản xuất, tăng doanh thu và nâng cao hiệu quả hoạt động trong quản trị và kinh doanh	Đạt	

STT	Nhiệm vụ	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
		động, giảm phát thải						
III	QUẢN TRỊ SỐ							
1	Hoàn thành triển khai 53 dịch vụ công thiết yếu (bao gồm 25 dịch vụ theo Quyết định số 06/QĐ-TTg và 28 dịch vụ công theo Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ	Hoàn thành triển khai 53 dịch vụ công thiết yếu	Năm 2024	Văn phòng UBND tỉnh; Công an tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Đã triển khai 11/25 dịch vụ công thiết yếu	Đạt	Đối với các dịch vụ công thiết yếu còn lại do Bộ, ngành chủ trì triển khai thực hiện. Địa phương chỉ triển khai thực hiện khi có văn bản hướng dẫn triển khai từ Bộ, ngành.
2	Cung cấp, tích hợp 28 nhóm dịch vụ công trực tuyến liên thông trên Cổng Dịch vụ công quốc	Các nhóm dịch vụ công trực tuyến liên thông đáp ứng nhu	Theo lộ trình tại Quyết định số 206/QĐ-	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền	Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND huyện,	Tỉnh đã thực hiện triển khai các nhóm dịch vụ công: Liên thông nhóm thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng	Đạt	Đối với các dịch vụ công thiết yếu còn lại do Bộ, ngành chủ trì

STT	Nhiệm vụ	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
	gia theo Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ	cầu của người dân, doanh nghiệp	TTg	thông	thị xã, thành phố	hôn nhân và Đăng ký kết hôn; Thanh toán nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai đối với hộ gia đình, cá nhân; Thanh toán nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai đối với doanh nghiệp.		triển khai thực hiện. Địa phương chỉ triển khai thực hiện khi có văn bản hướng dẫn triển khai từ Bộ, ngành.
3	Triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh bảo đảm kỹ thuật, kết nối với hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ (Hệ thống EMC)	Kết nối toàn diện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh với hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ (Hệ thống EMC)	Tháng 10/2024	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố; Đơn vị cung cấp dịch vụ Hệ thống thông tin	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đã thực hiện kết nối toàn diện với Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số (Hệ thống EMC)	Đạt	

STT	Nhiệm vụ	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
					giải quyết thủ tục hành chính tỉnh			
4	Tổ chức triển khai Nền tảng giám định sinh vật gây hại cho cây trồng trên địa bàn tỉnh	Tổ chức triển khai Nền tảng giám định sinh vật gây hại cho cây trồng trên địa bàn tỉnh, tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá chia sẻ kinh nghiệm để nhân rộng trên phạm vi toàn quốc	2024	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Hoàn thành thử nghiệm nền tảng giám định sinh vật gây hại trên cây trồng tại 04 Trạm khảo sát giám định sinh vật gây hại: 02 điểm trên cây lúa tại xã Núi Tô (Tri Tôn) và xã Thoại Giang (Thoại Sơn); 01 điểm trên cây sầu riêng tại xã Bình Chánh (Châu Phú); 01 điểm trên cây xoài xã Bình Phước Xuân (Chợ Mới). Sở Thông tin và Truyền thông đã trình Ủy ban nhân dân tỉnh	Đạt	

STT	Nhiệm vụ	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
						phê duyệt chủ trương lập Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin “Nền tảng giám định sinh vật gây hại cho cây trồng trên địa bàn tỉnh” ² .		
IV	PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ							
1	Xóa vùng lõm sóng di động trên địa bàn tỉnh	100% khu vực lõm sóng trên địa bàn tỉnh được phủ sóng băng rộng di động.	Tháng 11/2024	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Viễn thông công ích; Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Viễn thông - Internet	Sở Thông tin và Truyền thông; UBND các huyện, thị xã, thành phố;	Internet cáp quang tốc độ cao đã đến 100% trung tâm xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh; Internet di động băng rộng phủ sóng 100% khóm, ấp, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ, tìm kiếm thông tin của người dân trong tỉnh	Đạt	

² Tờ trình số 146/TTr-STTTT ngày 15/11/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông

STT	Nhiệm vụ	Kết quả	Thời gian hoàn thành	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả	Ghi chú
VI	ĐẢM BẢO AN TOÀN, AN NINH THÔNG TIN							
1	Triển khai, đưa vào sử dụng Nền tảng hỗ trợ quản lý bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ trên phạm vi toàn quốc	100% Sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố sử dụng	Tháng 11/2024	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông đã triển khai, đưa vào sử dụng Nền tảng hỗ trợ quản lý bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ cho 100% Sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố sử dụng	Đạt	

II. TỈNH KIÊN GIANG

STT	Chỉ tiêu	Đánh giá
01	100% dịch vụ công (đủ điều kiện) cung cấp trực tuyến mức độ toàn trình	Đạt
02	100% các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh kết nối hạ tầng mạng băng thông rộng trên mạng chuyên dùng của Chính phủ	Đạt
03	100% Báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	Đạt

04	100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật.	Chưa đạt (tỷ lệ văn bản ký số năm 2024 đạt 82.89%)
05	100% hồ sơ công việc tại cơ quan nhà nước cấp tỉnh, 90% cấp huyện, 80% cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật)	Chưa đạt
06	Tỷ lệ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính được trực tuyến đạt 80%	Chưa đạt (năm 2024 đạt tỷ lệ 71,8%)
07	Tỷ lệ số hóa hồ sơ trả kết quả điện tử đạt 80%	Đạt
08	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt trên 50%	Đạt
09	100% cơ quan nhà nước tỉnh có nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động	Chưa đạt
10	Hoàn thành triển khai 53 dịch vụ công thiết yếu, cụ thể: 25 dịch vụ công theo Đề án 06/CP	Đạt
11	Hoàn thành kết nối Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh với hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ (Hệ thống EMC)	Đạt
12	100% các xã, thị trấn có điện lưới quốc gia được phủ sóng băng rộng di động	Đạt
13	Triển khai sử dụng Nền tảng hỗ trợ quản lý bảo đảm an toàn thông tin theo cấp	Đạt

	độ của tỉnh	
14	Chỉ tiêu 60% doanh nghiệp tại các khu công nghiệp, khu chế xuất ứng dụng các nền tảng số trong quản trị, sản xuất để thay đổi quy trình sản xuất, kinh doanh, tăng năng suất, hiệu quả hoạt động, giảm phát thải	Chưa đạt (Năm 2024 đạt tỷ lệ 44%)
15	40% người dân trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Chưa có số liệu thống kê

./.